

TW HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 210/QĐ-HVPPNVN

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược Phát triển
Học viện Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 479/ĐCT-HVPPNVN ngày 16/7/2013 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 543/QĐ – ĐCT của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ngày 20/11/2015 phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược Phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

Điều 2. Lãnh đạo các đơn vị thuộc Học viện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động của đơn vị bám sát kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Học viện Phụ nữ giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc Học viện Phụ nữ Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực ĐCT Hội (đề B/c);
- Thành viên BGD;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, TCHC.





Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2016

KẾ HOẠCH 5 NĂM

Thực hiện Chiến lược Phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 210./QĐ-HVPNVN ngày 25 tháng 6 năm 2016 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 5 NĂM

- Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-ĐCT ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

- Căn cứ Chiến lược phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 543/QĐ-ĐCT của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ngày 20/11/2015;

II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016-2020

- 1) **Về đào tạo đại học, sau đại học:** đào tạo trình độ đại học, sau đại học cho khoảng 3500 sinh viên ở 6 chuyên ngành khác nhau; ưu tiên tổ chức đào tạo những ngành học phục vụ mục tiêu bình đẳng giới và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra ngang bằng với các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước và ít nhất 80% sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp 1 năm.
- 2) **Về bồi dưỡng cán bộ:** Phấn đấu trở thành một trung tâm bồi dưỡng có uy tín cho khoảng 2000 lượt cán bộ Hội, cán bộ nữ, cán bộ làm công tác phụ nữ hàng năm, nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, năng lực quản lý lãnh đạo, nhận thức và trách nhiệm về bình đẳng giới và chương trình bồi dưỡng theo nhu cầu; góp phần thực hiện thành công các đề án, kế hoạch bồi dưỡng cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- 3) **Về hoạt động khoa học và công nghệ:** Trở thành một cơ sở nghiên cứu và ứng dụng khoa học về những vấn đề phụ nữ và bình đẳng giới có uy tín; là cơ quan tham mưu chính về những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.
- 4) **Về hợp tác quốc tế:** Phát triển quan hệ hợp tác thường xuyên với ít nhất 10 cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học từ các nước phát triển, trong đó có ít nhất 1 chương trình liên kết đào tạo chất lượng cao.
- 5) **Về mô hình tổ chức và tự chủ tài chính:** xây dựng thành công mô hình tổ chức của Học viện theo hướng tinh gọn, hiệu quả; chủ động, tích cực khai thác các nguồn lực, đảm bảo Học viện có thể tự chủ được ít nhất 50% nhu cầu về tài chính.
- 6) **Phấn đấu để Phân hiệu** Học viện Phụ nữ Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh được Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cho phép tổ chức đào tạo hệ đại học với ít nhất 2 chuyên ngành khoa học khác nhau.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN

| STT | Tên lĩnh vực và hoạt động | Thời gian bắt đầu triển khai, kết quả dự kiến | | | | | Ghi chú |
|--|---|---|------|------|------|------|---------|
| | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | |
| 3.1. Về công tác đào tạo đại học, sau đại học | | | | | | | |
| 1 | Tổ chức các hoạt động tuyển sinh (chỉ tiêu) | 500 | 700 | 700 | 700 | 900 | |
| 2 | Mở ngành đào tạo hệ đại học, thạc sỹ (số lượng ngành mới) | | | 2 | 2 | | |
| 3 | Tổ chức đào tạo thạc sỹ (Quy mô HV) | | | 30 | 50 | 50 | |
| 4 | Tổ chức đào tạo đại học các hệ (quy mô SV) | 1500 | 2000 | 2500 | 3000 | 3500 | |
| 5 | Tổ chức xây dựng báo cáo tự đánh giá | | | X | | | |
| 6 | Tổ chức đánh giá độc lập | | | | X | | |
| 7 | Hoàn thiện các quy chế, quy định | X | X | X | X | X | |
| 8 | Chỉnh sửa CTĐT, Chuẩn đầu ra | | X | | X | | |

| STT | Tên lĩnh vực và hoạt động | Thời gian bắt đầu triển khai, kết quả dự kiến | | | | | Ghi chú |
|---|--|---|------|------|------|------|--|
| | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | |
| 9 | Ứng dụng CNTT trong quản lý đào tạo và dạy học | X | X | X | X | X | |
| 3.2. Về công tác bồi dưỡng cán bộ Hội, cán bộ nữ, cán bộ làm công tác phụ nữ | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng đề án bồi dưỡng cán bộ Hội | | | X | | | |
| 2 | Xây dựng các chương trình, đề cương, tài liệu bồi dưỡng | X | X | X | X | X | |
| 3 | Tổ chức các lớp bồi dưỡng tại Hà Nội, Phân hiệu (số lượt người) | 1500 | 2000 | 1500 | 2000 | 2500 | |
| 4 | Tổ chức đào tạo theo E-learning | X | X | X | X | X | Kết hợp, chỉ tiêu tính chung vào HD trên |
| 5 | Tổ chức đào tạo cán bộ nữ | | | 50 | 50 | 50 | |
| 6 | Tổ chức đánh giá chương trình bồi dưỡng | | X | | | X | |
| 3.3. Về các hoạt động khoa học, công nghệ | | | | | | | |
| 1 | Thành lập, vận hành tạp chí khoa học | | | X | X | X | |
| 2 | Khai thác đề tài, nhiệm vụ khoa học bên ngoài (số hoạt động) | | 1 | 2 | 3 | 3 | |
| 3 | Tổ chức các đề tài nghiên cứu cấp Bộ và tương đương, điều tra cơ bản (số lượng đề tài) | | 1 | 2 | 2 | 2 | |
| 4 | Tổ chức các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở (Học viện) và cấp khoa (số lượng đề tài) | | 2 | 5 | 10 | 10 | |
| 5 | Tổ chức đề tài nghiên cứu sinh viên (số lượng đề tài) | | 5 | 10 | 10 | 10 | |
| 6 | Xây dựng các quy chế về khoa học công nghệ (số lượng đề tài) | X | X | X | X | X | |

HƯ
 VIỆC
 NỮ
 NA

| STT | Tên lĩnh vực và hoạt động | Thời gian bắt đầu triển khai, kết quả dự kiến | | | | | Ghi chú |
|--|---|---|------|------|------|------|---------|
| | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | |
| 7 | Tổ chức biên soạn giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo (số lượng đầu sách) | | 3 | 3 | 5 | 5 | |
| 8 | Công bố sản phẩm khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên | | 70% | 80% | 90% | 90% | |
| 9 | Tổ chức hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế | | 1 | 1 | 2 | 2 | |
| 3.4. Về lĩnh vực Hợp tác quốc tế | | | | | | | |
| 1 | Tổ chức các hoạt động cho chuyên gia, tình nguyện viên (số lượng người) | | 5 | 5 | 7 | 10 | |
| 2 | Tổ chức trao đổi sinh viên, giảng viên | | x | x | x | x | |
| 3 | Tổ chức các chương trình liên kết đào tạo quốc tế, chất lượng cao | | | | x | x | |
| 4 | Xây dựng các quy chế, quy định về HTQT | x | x | x | x | x | |
| 5 | Tổ chức khai thác các dự án quốc tế (số lượng hoạt động khai thác) | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | |
| 6 | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho Lào, Campuchia (số lượng lớp) | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | |
| 7 | Rà soát, phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại; tăng số lượng ký kết thỏa thuận hợp tác với trong nước, quốc tế (số lượng MOU) | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | |
| 3.5. Về tổ chức bộ máy và nhân sự | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng Đề án Vị trí việc làm, Ban MTCV | | x | | | | |
| 2 | Tuyển dụng giảng viên, viên chức | x | x | x | x | x | |
| 3 | Các hoạt động nâng cao năng lực tiếng Anh cho viên chức, | x | x | x | x | x | |

| STT | Tên lĩnh vực và hoạt động | Thời gian bắt đầu triển khai, kết quả dự kiến | | | | | Ghi chú |
|--|---|---|------|------|------|------|---|
| | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | |
| 4 | Đề xuất, kiện toàn, bổ sung đơn vị trực thuộc | | | x | | x | |
| 5 | Các hoạt động cử đi đào tạo TS, PGS cho viên chức (số lượng người) | 3 | 5 | 5 | 5 | 5 | |
| 6 | Xây dựng, sửa đổi các quy định về quản lý viên chức, Người lao động | x | x | x | x | x | |
| 3.6. Về cơ sở vật chất và tài chính | | | | | | | |
| 1 | Các hoạt động xây dựng cơ bản | x | x | x | x | x | Dự án nhà thể chất, khu đất mới |
| 2 | Các hoạt động khai thác cơ sở vật chất tăng nguồn thu | x | x | x | x | x | Năm sau tăng so năm trước |
| 3 | Các hoạt động vận hành tòa nhà | x | x | x | x | x | |
| 4 | Các hoạt động thu học phí, lệ phí | x | x | x | x | x | Năm sau tăng so năm trước |
| 5 | Đầu tư mua sắm cơ sở vật chất | x | x | x | x | x | |
| 6 | Xây dựng, sửa đổi các quy định về quản lý tài sản, tài chính | x | x | x | x | x | |
| 7 | Các hoạt động thu chi tài chính | x | x | x | x | x | Không phát sinh lỗi phải kiểm điểm, xử lý |
| 3.7. Về Phân hiệu Học viện tại TP Hồ Chí Minh | | | | | | | |
| 1 | Đề án đăng ký Phân hiệu đào tạo đại học | | | x | x | x | |
| 2 | Kế hoạch chiến lược cho Phân hiệu | | x | | | | Năm phê duyệt |
| 3 | Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng tại Phân hiệu | 500 | 500 | 500 | 700 | 1000 | |
| 4 | Xây dựng các quy chế bổ sung cho Phân hiệu | x | x | x | x | x | |

| STT | Tên lĩnh vực và hoạt động | Thời gian bắt đầu triển khai, kết quả dự kiến | | | | | Ghi chú |
|---|--|---|------|------|------|------|--|
| | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | |
| 5 | Các hoạt động tuyển dụng nhân sự cho Phân hiệu | x | x | x | x | x | |
| 6 | Các hoạt động liên kết đào tạo tại Phân hiệu | x | x | x | x | x | Theo Kế hoạch chung của Học viện |
| 3.8. Về đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công chức; xây dựng môi trường học tập, làm việc, hoạt động cộng đồng | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng, chỉnh sửa các chính sách về thu nhập tăng thêm, khuyến khích vật chất, tinh thần | x | x | x | x | x | Đảm bảo thu nhập trung bình tăng tối thiểu 10% |
| 2 | Hỗ trợ các hoạt động của tổ chức đoàn thể | x | x | x | x | x | |
| 3 | Xây dựng và tổ chức các nghi lễ văn hóa, truyền thống | x | x | x | x | x | |
| 4 | Tổ chức các hoạt động cộng đồng của các đơn vị, tổ chức đoàn thể (số lượng HD) | 3 | 5 | 7 | 7 | 10 | Có quy định của Học viện |

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Phòng Tổ chức Hành chính: Đầu mối tổ chức thực hiện kế hoạch, chủ động đưa vào dự thảo Kế hoạch năm và đề nghị các đơn vị cụ thể hóa kế hoạch 5 năm vào kế hoạch hàng năm của Học viện; tổng hợp các ý kiến bổ sung, điều chỉnh trong quá trình thực hiện kế hoạch trình Giám đốc phê duyệt điều chỉnh; phối hợp tham mưu phân bổ nguồn lực cho thực hiện Kế hoạch; tổ chức đánh giá giữa nhiệm kỳ, cuối giai đoạn và xây dựng báo cáo kết quả.

- Phòng Đào tạo: Đầu mối tham mưu thực hiện các hoạt động trong Kế hoạch liên quan đến tổ chức, quản lý đào tạo, khảo thí, đảm bảo chất lượng, mở ngành, tuyển sinh; chủ động đề xuất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch mảng đào tạo;

- Trung tâm Bồi dưỡng Cán bộ: Đầu mối công tác bồi dưỡng cán bộ, chủ động tham mưu đánh giá, báo cáo kết quả đề án 1891 và đầu mối xây dựng Đề án mới;

- Viện Nghiên cứu Phụ nữ: Đầu mối quản lý khoa học công nghệ và triển khai các đề tài; chủ động tham mưu khai thác các hoạt động khoa học, bồi dưỡng nâng cao năng lực khoa học cho viên chức, sinh viên;

- Phân hiệu: Hoạt động theo Quy chế tổ chức hoạt động của Phân hiệu do Giám đốc Học viện phê duyệt và phù hợp với Chiến lược Phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam; Xây dựng đề án đăng ký đào tạo đại học tại Phân hiệu; Thực hiện các hoạt động bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, liên kết đào tạo tại phân hiệu.

- Phòng Hợp tác quốc tế: Đầu mối trong công tác quản lý, tổ chức các hoạt động đối ngoại của Học viện

- Phòng Tài chính Kế toán: Đầu mối tham mưu phân bổ nguồn lực cho thực hiện Kế hoạch; thực hiện công tác kế toán, quản lý tài chính theo đúng pháp luật hiện hành và những quy định của Học viện;

- Các khoa chuyên môn: Thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, đề cương môn học.

- Các đơn vị Tham mưu khác: Thực hiện các hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Học viện Phụ nữ Việt Nam.

Nơi nhận

- Đc Lãnh đạo Hội phụ trách (đề Bc)
- Thành viên Ban Giám đốc HV
- Các đơn vị trực thuộc
- Lưu VT,

ĐƠN VỊ LẬP KẾ HOẠCH

Trưởng phòng TCHC

Phạm Thị Diễm

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN



TS. Trần Quang Tiến

